

Số: 2783 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý nguồn thu và Quy chế chi tiêu nội bộ

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Trên cơ sở ý kiến Hội nghị viên chức và người lao động năm 2023 tổ chức ngày 12 tháng 01 năm 2023 và xét đề nghị của Công đoàn Học viện (tại Tờ trình đề ngày 16 tháng 02 năm 2023) và theo đề nghị của Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2 và Phụ lục 3 tại Quy định quản lý nguồn thu và Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-HVN ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam như sau:

"PHỤ LỤC 2: Đơn giá thanh toán vượt giờ từ tiết 1 đến 200

2.1. Giảng viên dạy chuyên môn và cơ bản

| TT | Chức danh | Đơn giá (đồng) |
|----|---|----------------|
| 1 | Giảng viên tập sự có trình độ Tiến sĩ | 60.000 |
| 2 | Giảng viên tập sự khác | 60.000 |
| 3 | Giảng viên có hệ số lương từ 2,34 đến dưới 3,33 | 75.000 |
| 4 | Giảng viên có hệ số lương từ 3,33 đến dưới 4,65 | 80.000 |
| 5 | Giảng viên có hệ số lương từ 4,65 đến dưới 5,42 | 85.000 |

| TT | Chức danh | Đơn giá (đồng) |
|----|---|----------------|
| 6 | Giảng viên có hệ số lương từ 5,42 đến dưới 6,44 | 90.000 |
| 7 | Giảng viên có hệ số lương từ 6,44 đến dưới 6,92 | 95.000 |
| 8 | Giảng viên có hệ số lương từ 6,92 trở lên | 100.000 |

2.2. Giảng viên dạy giáo dục thể chất

| TT | Chức danh | Đơn giá (đồng) |
|----|---|----------------|
| 1 | Giảng viên tập sự có trình độ Tiến sĩ | 56.000 |
| 2 | Giảng viên tập sự khác | 56.000 |
| 3 | Giảng viên có hệ số lương từ 2,34 đến dưới 3,33 | 65.000 |
| 4 | Giảng viên có hệ số lương từ 3,33 đến dưới 4,65 | 70.000 |
| 5 | Giảng viên có hệ số lương từ 4,65 đến dưới 5,42 | 75.000 |
| 6 | Giảng viên có hệ số lương từ 5,42 đến dưới 6,44 | 80.000 |
| 7 | Giảng viên có hệ số lương từ 6,44 đến dưới 6,92 | 85.000 |
| 8 | Giảng viên có hệ số lương từ 6,92 trở lên | 90.000 |

2.2. Giảng viên dạy rèn nghề, hướng dẫn thực hành/thực tập

| TT | Chức danh | Đơn giá (đồng) |
|----|---|----------------|
| 1 | Giảng viên tập sự có trình độ Tiến sĩ | 56.000 |
| 2 | Giảng viên tập sự khác | 56.000 |
| 3 | Giảng viên có hệ số lương từ 2,34 đến dưới 3,33 | 65.000 |
| 4 | Giảng viên có hệ số lương từ 3,33 đến dưới 4,65 | 70.000 |
| 5 | Giảng viên có hệ số lương từ 4,65 trở lên | 75.000 |

3. PHỤ LỤC 3: Đơn giá thanh toán vượt giờ từ tiết 201 trở lên

| TT | Chức danh | Đơn giá thanh toán (đồng) |
|----|-----------------------------|---------------------------|
| 1 | Giáo sư, giảng viên cao cấp | 80.000 |
| 2 | Phó giáo sư | 75.000 |
| 3 | Giảng viên chính | 70.000 |
| 4 | Giảng viên | 66.000 |
| 5 | Giảng viên tập sự | 62.000 |



Điều 2. Đơn giá thanh toán quy định tại Quyết định này được thực hiện từ năm học 2022-2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT,TC,LT(10).

